

Số: 456/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh, sinh năm 1986; địa chỉ: phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Đỗ Thị Diệu T, sinh năm 1992; địa chỉ: thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020.

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/3/2013. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến gây gổ, cãi vã nhau. Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T xác nhận có 01 con chung, cháu tên Nguyễn Đỗ, sinh ngày 21/3/2013, hiện nay cháu Nguyễn Đỗ ở với chị Đỗ Thị Diệu T và có nguyện vọng ở với mẹ. Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Đỗ cho chị Đỗ Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày Quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc thành niên (Đủ 18 tuổi). Việc tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và nghĩa vụ cấp dưỡng con chung sau ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T đúng quy định pháp luật, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ, sinh ngày 21/3/2013 cho chị Đỗ Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày Quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Nguyễn Đỗ thành niên (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000125 ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị Diệu T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh (ĐKKH số: 19, ngày 02/3/2013);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân